

Bản án số: 166/2017/HSST
Ngày: 29 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang.

2. Bà Lê Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/09/2017 tại Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 191/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2017/QĐST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thành C; Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 72/5 ấp S, xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề sơn nước; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn U (Chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1951; Có con sinh năm 2017; Tiền sự: Ngày 16/01/2017, Lê Thành C bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vì hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 20/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tiền án: Có 03 tiền án: Bản án số 46/2012/HSST ngày 17/08/2012 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Lê Thành C 01 (Một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” - Chấp hành xong án phạt tù ngày 30/03/2013, Bản án số 78/2013/HSST ngày 24/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Lê Thành C 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” - Chấp hành xong án phạt tù ngày 18/08/2014, Bản án số 37/2015/HSST ngày 05/08/2015 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Lê Thành C 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa

đạo chiếm đoạt tài sản” - Chấp hành xong án phạt tù ngày 16/09/2015; Nhân thân: Bản án số 22/2006/HSST ngày 31/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt Lê Thành C 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản ” - Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/05/2007; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/07/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Trương Văn S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số 1627/21/25 khu phố B, phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Vũ Kim V, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số D20/7A đường N, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 1599/13A đường P, Khu phố B, phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số 502/63/37A khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số 2342A đường P, ấp B, xã X, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Số 72/5 ấp S, xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành C là người đã có tiền án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận 7. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/6/2017, C điều khiển xe đạp đi ngang qua số nhà 1627/21/25 Khu phố 3, phường Phú Mỹ, Quận 7 thì nhìn thấy cửa phòng trọ 21 không khóa, bên trong có anh Trương Văn S đang ngủ. C lén lút vào phòng trọ, lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Mobistar và 01 máy tính xách tay (Laptop) hiệu Acer màu đen Extensa 4620. Lấy trộm được tài sản, C bỏ vào rổ xe đạp rồi đến cửa hàng của bà Võ Thị N bán cho bà N với giá 300.000 đồng. Số tiền này C đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/7/2017, C điều khiển xe đạp đến trước nhà trọ địa chỉ 1599/13A Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, phường Phú Mỹ, Quận 7 thì nhìn thấy phòng trọ không khóa cửa, chị Vũ Kim V đang ngủ. C lén lút vào phòng trọ, lấy trộm của chị V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 máy

tính bằng Ipad 3 bỏ vào rổ xe đạp rồi đến cửa hàng của bà Võ Thị N bán với giá 3.000.000 đồng. Số tiền này C tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 05/7/2017, Công an phường Phú Mỹ tuần tra, phát hiện Lê Thành C có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc và C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã đưa C đi chỉ điểm nơi bán số tài sản C trộm cắp và đã thu hồi được 01 laptop hiệu Acer, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 Ipad 3. Riêng điện thoại di động Mobistar, bà N đã bán cho khách (Không rõ lai lịch), không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 202/KL-HĐĐGTTTHS ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, tính đến thời điểm bị xâm phạm có giá trị là: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- 01 laptop hiệu Acer màu đen Extensa 4620 tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16Gb màu vàng tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

- 01 máy Ipad 3 16Gb màu bạc có giá trị là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Vật chứng của vụ án:

- 01 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen Extensa 4620. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại là anh Trương Văn S.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16Gb màu vàng, 01 máy Ipad 3 16Gb màu bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại là chị Vũ Kim V.

- 01 xe đạp màu tím trắng, đã qua sử dụng, là xe đạp của bà Lê Thị B (Mẹ ruột của C). Ngày 29/6/2017 và ngày 04/7/2017, C mượn xe của bà B. Việc C sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà B không biết.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Vũ Kim V đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 máy Ipad 3, không có yêu cầu bồi thường.

- Anh Trương Văn S đã nhận lại là 01 laptop hiệu Acer màu đen Extensa 4620, yêu cầu được bồi thường chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar theo kết luận định giá tài sản là 200.000 đồng.

- Bà Võ Thị N không có yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thành C đã khai nhận: vì muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã hai lần đạp xe đạp đi tìm các phòng trọ không khóa

cửa, người trong phòng đang ngủ và lén lút đột nhập vào trộm cắp tài sản của người khác cụ thể:

Ngày 29/06/2017, bị cáo lấy trộm 01 điện thoại Mobistar và 01 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen Extensa 4620 của anh Trương Văn S và đem bán cho bà N; Do chiếc máy tính hư nên bà N không mua và chỉ mua chiếc điện thoại với giá 300.000 đồng;

Ngày 04/07/2017, bị cáo lấy trộm của chị V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 máy tính bảng Ipad 3 và đem bán cho bà N với giá 3.000.000 đồng;

Bà N không biết tài sản bị cáo bán là do trộm cắp mà có và bà N không có hứa hẹn sẽ mua tài sản nếu bị cáo trộm được.

Bản cáo trạng số 179/CTr-VKS ngày 12 tháng 09 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thành C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thành C tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Lê Thành C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar, 01 máy tính xách tay hiệu Acer của anh Trương Văn S và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 Ipad 3 của chị Vũ Kim V một cách trái pháp luật. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng). Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Thành C về tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Lê Thành C từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù; Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trương Văn S chiếc điện thoại Mobistar với số tiền là 200.000 đồng; Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đề nghị trả lại cho bà Lê Thị B 01 chiếc xe đạp màu tím trắng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mới có con nhỏ, bị cáo hối hận đề nghị Hội đồng xét xử xử án nhẹ để bị cáo về nuôi mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Bị cáo Lê Thành C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar, 01 máy tính xách tay hiệu Acer của anh Trương Văn S

và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 Ipad 3 của chị Vũ Kim V một cách trái pháp luật. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá: 01 điện thoại di động hiệu Mobistar là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng); 01 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen Extensa 4620 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16Gb là: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); 01 máy Ipad 3 16Gb màu bạc là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng). Hành vi này của bị cáo Lê Thành C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo đã liên tiếp thực hiện hai hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi được một phần trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Bị cáo có nhân thân đã bốn lần bị kết án nhưng do tham lam tư lợi, lười nhác lao động, bằng thủ đoạn tào bạo và lừa đảo đã cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.300.000đ nhưng do bị cáo đồng ý bồi thường chiếc điện thoại Mobistar cho anh Trương Văn S với số tiền là 200.000 đồng nên chỉ buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.100.000đ.

[6] Về vật chứng, Cơ quan công an thu giữ:

- 01 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen Extensa 4620, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại là anh Trương Văn S nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16Gb màu vàng và 01 chiếc máy tính bảng Ipad 3 16Gb màu bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại là chị Vũ Kim V nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 chiếc xe đạp màu tím trắng, là xe đạp của bà Lê Thị B. Ngày 29/06/2017 và ngày 04/07/2017, bị cáo mượn xe của bà B và bà B không biết việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên trả lại chiếc xe đạp trên cho bà Lê Thị B.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Vũ Kim V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Trương Văn S yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại Mobistar bằng giá trị do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận 7 đã xác định là 200.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Võ Thị N không có yêu cầu bồi thường và vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo và ông Trương Văn S, bà Vũ Thị Kim V, và Võ Thị N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành C 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/07/2017.

2. Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003:

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Thành C phải bồi thường cho anh Trương Văn S số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Trả lại bà Lê Thị B 01 chiếc xe đạp màu tím trắng (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 146 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo Lê Thành C phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, nếu bị cáo chưa thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Kể từ ngày anh Trương Văn S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2005.

4. Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo và bà Lê Thị B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận 7;
- Công an quận 7;
- Chi cục THADS quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Trần Cảnh